

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quảng cáo; Báo chí; Xuất bản, In và Phát hành; Du lịch; Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm; Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử; Mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa; Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch áp dụng tại cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại văn bản số 3208/SVHTTDL-VP ngày 03/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ 45 (bốn mươi lăm) thủ tục hành chính (TTHC) (trong đó có 44 TTHC cấp tỉnh, 01 TTHC cấp xã) được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quảng cáo; Báo chí; Xuất bản, In và Phát hành; Du lịch; Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm; Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử; Mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa; Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch áp dụng tại cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Văn

phòng UBND tỉnh căn cứ TTHC ban hành kèm theo Quyết định này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, công khai, địa phương hóa các TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (<https://motcua.hatinh.gov.vn>) để áp dụng thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; thay thế Danh mục và Quy trình nội bộ TTHC có thứ tự số 02, mục II, phần B, phần I tại Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 24/7/2024; số 03, 07 mục I, số 01, mục II số 02, 05 mục III phần A tại Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 01/4/2025; số 01, 03 mục I, phần I tại Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 10/7/2025; số 10, 13, 14 mục B, phần I tại Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 26/9/2023; số 01, mục II, phần I, số 05, mục V, phần II tại Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 02/02/2023; số 01, phần I tại Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 21/11/2025; số 01 đến 32 phần I tại Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 17/6/2024; số 01, mục II, phần B tại Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc: Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: VH, TT&DL, KH&CN;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, HCC₃.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Nguyệt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC QUẢNG CÁO; BÁO CHÍ; XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH; DU LỊCH; MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM; PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ; MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA; THẺ DỤC THỂ THAO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH

VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ÁP DỤNG TẠI CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/ cách thức thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Quảng cáo					
1	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004639	10 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh). - Qua Dịch vụ bưu	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Quảng cáo năm 2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.

				chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn		- Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL ban hành. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. - Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025 của Bộ VH,TT&DL công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VH,TT&DL.
II	Lĩnh vực Báo chí					
1	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	1.009374	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không quy định	- Luật Báo chí năm 2016; - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ TT&TT quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu. - Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025 của Bộ VH,TT&DL công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong một số

						lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VH,TT&DL.
III	Lĩnh vực Xuất bản, in và phát hành					
1	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	2.001594	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Như trên	Không quy định	- Luật Xuất bản năm 2012; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; - Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ TT&TT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ TT&TT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ TT&TT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết

						một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hoá TTHC dựa trên dữ liệu. - Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VH,TT&DL.
2	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (cấp địa phương)	2.001564	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Như trên	Không quy định	- Luật Xuất bản năm 2012; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ TT&TT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ TT&TT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ TT&TT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết

						một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hoá TTHC dựa trên dữ liệu. - Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025 của Bộ VH,TT&DL công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VH,TT&DL.
IV Lĩnh vực Du lịch						
1	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	2.001628	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026).	- Luật Du lịch năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng VH,TT&DL quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL sửa

						đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hoá TTHC dựa trên dữ liệu. - Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025 của Bộ VH,TT&DL công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VH,TT&DL.
2	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	2.001622	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	1.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2025	Như trên

					đến hết ngày 31/12/2026).	
3	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp	1.003717	- 05 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - 10 ngày làm việc¹	Như trên	3.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	- Luật Du lịch năm 2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hoá TTHC dựa trên dữ liệu.

¹ trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

						- Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VH,TT&DL.
4	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.014144	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ² ; - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ³	Như trên	1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Như trên
5	Thủ tục Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.003002	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Như trên
V	Lĩnh vực Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm					

² trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

³ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

1	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1.001229	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm⁴; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;	Như trên	Không quy định.	- Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hoá TTHC dựa trên dữ liệu. - Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025 của Bộ VH,TT&DL công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VH,TT&DL.
---	---	----------	---	----------	-----------------	---

⁴ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;

			- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định ⁵			
VI	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử					
1	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	2.001098	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không quy định.	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu. - Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VH,TT&DL.
2	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	1.002001	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không quy định.	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24/01/2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp,

⁵ do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời.

						sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu. - Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VH,TT&DL.
VII	Lĩnh vực Mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa					
1	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui	1.003560	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	Như trên	Cụ thể như sau: ⁶	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL

⁶ Đối với các sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu dưới đây thì mức thu như sau:

1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau:

a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:

- Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).

- Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).

b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:

- Đối với bản ghi âm:

+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình;

+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.

- Đối với bản ghi hình:

+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình;

+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình.

2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.

	chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh		được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ có văn bản trả lời kết quả chấp		ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ VH,TT&DL. - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ VH,TT&DL. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu. - Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025 của Bộ VH,TT&DL công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VH,TT&DL.
--	----------------------------------	--	--	--	---

			thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của Thương nhân và nêu rõ lý do.			
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản	1.014464	03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.	Như trên	Không định quy	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ TT&TT quy định về việc cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với hàng hóa trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu. - Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VH,TT&DL.
VIII	Lĩnh vực Thể dục thể thao					

1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	1.002445	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu. - Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VH,TT&DL.
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	1.002396	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
3	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh	1.000953	07 ngày làm việc kể từ ngày	Như trên	Như trên	Như trên

	doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga		nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	1.000936	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
5	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	1.000920	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
6	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	1.001195	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
7	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	1.000904	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
8	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh	1.000883	07 ngày làm việc kể từ ngày	Như trên	Như trên	Như trên

	hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn		nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
9	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	1.000863	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
10	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	1.000847	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
11	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	1.000830	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	1.000814	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên

13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	1.000644	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
14	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	1.000842	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
15	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	1.005163	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
16	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	2.002188	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động	1.000594	07 ngày làm việc kể từ ngày	Như trên	Như trên	Như trên

	thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí		nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	1.000560	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
19	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	1.000544	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
20	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	1.001213	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	1.000518	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên

22	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	1.000501	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
23	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	1.000485	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	1.005357	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
25	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	1.001801	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
26	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động	1.001500	07 ngày làm việc kể từ ngày	Như trên	Như trên	Như trên

	thể thao đối với môn Bóng ném		nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
27	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	1.005162	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
28	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	1.001517	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
29	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	1.001527	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên
30	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	1.001056	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Như trên	Như trên

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/ cách thức thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử					
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1.013792	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	Không quy định.	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. - Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VH,TT&DL.